

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22.4.2022

V V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sở

Ông Nguyễn Văn Hải

- T ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Phương - T ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Vi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Trần Minh L, sinh năm 1990;

Nơi đăng ký hộ khẩu Thường trú: Số 34 T, phường 8, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Số 276/29/46/2A M, Khu phố 6, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Phương T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Số 1199/13 Quốc lộ 1, khu phố N, phường T, thành phố T, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 01 tháng 10 năm 2021 và tại bản tự khai ngày 08/11/2021, nguyên đơn anh Lê Trần Minh L trình bày:

Anh và chị Trần Thị Phương T quen biết và chung sống với nhau vào năm 2018, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh và chị T sống chung nhà cha mẹ ruột anh L ở Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 01 con chung sinh năm 2019, anh L ở nhà kinh doanh bán hàng, chị T đi làm điều dưỡng tại Bệnh Viện trong thành phố. Đến ngày 09/4/2021 anh L phát hiện chị T ngoại tình với nam đồng nghiệp làm chung, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nay anh L không còn tình cảm với chị T nên yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh L và chị T có 01 con chung tên Lê Trần Minh Q, sinh ngày 26/11/2019 hiện chị T đang nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, do con chung dưới 36 tháng tuổi nên hai bên thỏa thuận giao con chung cho chị Trần Thị Phương T tiếp tục nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04 tháng 11 năm 2021, bị đơn chị Trần Thị Phương T trình bày: Thống nhất với ý kiến của anh L về thời gian, điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh L nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh L.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Trần Minh Qn, sinh ngày 26/11/2019 hiện chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng anh L, chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định hôn nhân giữa anh L và chị T là hôn nhân hợp pháp, trong thời gian

chung sống cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh L và chị T không còn yêu thương, quan tâm chia sẻ, chăm sóc nhau, mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh L yêu cầu xin ly hôn, chị T đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn của anh L và chị T.

Về yêu cầu nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh L và chị T, giao con chung tên Lê Trần Minh Q, sinh ngày 26/11/2019 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Anh Lê Trần Minh L khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị Phương T. Chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống ở phường T, thành phố T, tỉnh Long An. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân Thành phố T thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L và chị T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung :

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Trần Minh L và chị Trần Thị Phương T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 8 năm 2018 nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, anh L và chị T chung sống hạnh phúc được thời gian đầu và có 01 con chung, sau đó phát sinh mâu thuẫn, anh L nghi ngờ chị T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, chị T cho rằng trong thời gian sống chung tình tình giữa chị T và anh L không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Trong quá trình giải quyết vụ án anh L và chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ, cả hai đương sự đều không có thiện chí hàn gắn, quan hệ vợ chồng, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh L yêu cầu được ly hôn, chị T đồng ý ly hôn, xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa anh L và chị T tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên công nhận thuận tình ly hôn giữa hai đương sự.

[2.2] Về con chung: Anh L và chị T có 01 con chung tên Lê Trần Minh Q, sinh ngày 26/11/2019 hiện chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh L và chị T thỏa thuận yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy cháu Lê Trần Minh Q, sinh ngày 26/11/2019 dưới 36 tháng tuổi, tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó việc thỏa thuận về nuôi con

giữa anh L và chị T là phù hợp với quy định pháp luật về Hôn nhân và gia đình nên công nhận sự thỏa thuận nuôi con của các đương sự.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét đề cập.

Trong trường hợp sau khi ly hôn các đương sự có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con thì có thể yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh L và chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[3] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung giữa anh L và chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về án phí: Anh L và chị T mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Hướng dẫn tại Điều 11 giải đáp số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Trần Minh L và chị Trần Thị Phương T.

2. Về con chung: Anh Lê Trần Minh L và chị Trần Thị Phương T có 01 con chung tên Lê Trần Minh Q, sinh ngày 26/11/2019. Anh L và chị T thỏa thuận giao cháu Lê Trần Minh Q cho chị Trần Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo luật định.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Do anh Lê Trần Minh L và chị Trần Thị Phương T thỏa thuận tự nguyện thuận tình ly hôn nên phải chịu 50% mức án phí quy định (mỗi người phải chịu 25% mức án phí quy định), cụ thể:

Anh Lê Trần Minh L chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001015 ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An. Hoàn lại cho anh L số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 225.000 (hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Chị Trần Thị Phương T chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- UBND P8 Q B, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hải Trịnh Thị Lệ Hoa

Nguyễn Thị Diễm Hằng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- UBND xã An Vĩnh Ngãi, tp T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Hằng

